TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THỦY** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnhphúc**

Bản án số: 04/2020/HS-ST
Ngày: 28/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THỦY, TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Hải Dương**
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Bùi Thị Phi**
Ông **Ngô Xuân Cải**
- Thư ký phiên tòa*:* Bà **Bùi Thị Thi**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy tham gia phiên tòa**:**
Bà **Lê Minh Tuyết**, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2020/TLST-HS ngày 21/01/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn D, sinh ngày 15/01/2000 tại xã K, huyện N, tỉnh T; Tên gọi khác: Không; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12;Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã K, huyện N, tỉnh T;Con ông Bùi Văn T, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1980; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/6/2019 cho đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

2. **Bùi Văn T**, sinh ngày 15/3/1975 tại xã K, huyện N, tỉnh T; Tên gọi khác: Không; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã K, huyện N, tỉnh T;Con ông Bùi Văn T, sinh năm 1948 và bà Bùi Thị V, sinh năm 1949; Vợ:Nguyễn Thị M, sinh năm 1980; Con: có 04 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 07/2020/HSST-LCĐKNCT ngày 11/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh H (Có mặt tại phiên tòa).

3. Người bị hại:

- Anh **Phạm Phúc T1**, sinh năm 2000, nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện D, tỉnh T (Đã chết).

Người đại diện hợp pháp cho anh Phạm Phúc T1: Chị **Phạm Thị M1**, sinh năm 1978, nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện D, tỉnh T (Có mặt).

- Anh **Phạm Văn T2**, sinh năm 1999, nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện D, tỉnh T (Có mặt).

4. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Phạm Văn V**, sinh năm 1956, trú tại: Thôn C, xã B, huyện D, tỉnh T (Có mặt).

5. Người làm chứng:

- Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1972, trú tại: Xóm H1, xã Y1, huyện L, tỉnh H (Vắng mặt).

- Chị **Bùi Thị T3**, sinh năm 1978, trú tại: Xóm H1, xã Y1, huyện L, tỉnh H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 00 phút, ngày 10/6/2019 Bùi Văn D không có giấy phép lái xe theo quy định một mình điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 36K5-187.45 đi từ tỉnh Bắc Ninh về nhà tại thôn Đ theo đường mòn Hồ Chí Minh, hướng Hà Nội – Thanh Hóa với tốc độ khoảng 70km/h. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày D đi đến Km 492+30 đường Hồ Chí Minh thuộc địa phận xóm P, xã L, huyện Y, tỉnh H, D quan sát thấy phía trước cùng chiều chuyển động cách xe D khoảng 20m có một chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36AB-070.53 do Phạm Phúc T1, sinh năm 2000 và Phạm Văn T2, sinh năm 1999 cùng trú tại xã B, huyện D, tỉnh T đang chuyển động ở giữa phần đường bên phải và ở phần đường ngược chiều có ánh đèn xe ô tô đi đến. Khi còn cách chiếc xe mô tô đi phía trước cùng chiều khoảng 05m thì D thấy xe ô tô đi ngược chiều đi tới gần, do có ý định vượt chiếc xe mô tô đi cùng chiều nên D tăng tốc độ xe lên khoảng 80km/h và điều khiển xe vượt bên trái xe mô tô biển kiểm soát 36AB-070.53. Trong khi vượt D bị ánh đèn xe ô tô đi ngược chiều gây lóa mắt nên đã đánh lái xe về phía bên phải đường nhưng do khoảng cách với xe mô tô đi cùng chiều quá gần nên D không kịp xử lý, xe mô tô do D điều khiển đã va chạm với xe mô tô đi phía trước cùng chiều, làm cho cả Bùi Văn D, Phạm Phúc T1, Phạm Văn T2 bị đổ ngã xuống đường, trượt đi cùng với hai xe mô tô, hậu quả sau khi tai nạn xảy ra:

Phạm Phúc T1 bị thương tích nặng và chết trên đường đi cấp cứu, Phạm Văn T2 bị T2 tích nặng phải đi cấp cứu; hai xe mô tô bị hư hỏng nhẹ.

D do không bị thương tích nặng nên D đứng dậy đi đến vị trí xe mô tô của mình rồi điều khiển xe bỏ chạy khỏi hiện trường. Đến ngày 11/6/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y, tỉnh H tiến hành bắt giữ Bùi Văn D tại nhà ở thôn Đ, xã K, huyện N, tỉnh T.

*** Kết quả thực nghiệm điều tra vụ án:**

Kết quả quá trình thực nghiệm điều tra đã xác định được điểm chạm giữa xe mô tô biển kiểm soát 36AB-070.53 và xe mô tô biển kiểm soát 36K5-187.45 được tạo thành từ mặt ngoài bên trái lốp trước xe mô tô biển kiểm soát 36K5-187.45 va chạm với cạnh ốp ngoài ống xả xe mô tô biển kiểm soát 36AB-070.53 V1căn cứ vào sự phù hợp giữa vết rách cao su tại mặt ngoài lốp xe mô tô biển kiểm soát 36K5-

187.45 và cạnh sắc mặt ngoài ốp ngoài ống xả xe mô tô biển kiểm soát 36AB-070.53. Khi thực nghiệm lại diễn biến hành vi của Bùi Văn D cho thấy kết quả hoàn toàn phù hợp với các dấu vết để lại trên hai xe mô tô biển kiểm soát 36AB-070.53 và xe mô tô biển kiểm soát 36K5-187.45 cùng các dấu vết để lại trên hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án.

*** Kết quả khám nghiệm tử thi, giám định thương tích và định giá tài sản**

Tại bản kết luận giám định pháp y số: 90/GĐPY-CAT-PC09 ngày 13/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H, kết luận nguyên nhân chết của Phạm Phúc T1 là do đa chấn T2.

Tại bản kết luận giám định pháp y số: 292/TgT ngày 18/12/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh H, kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể Phạm Văn T2 do thương tích gây nên hiện tại là 47%.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 29/KL-HĐĐG ngày 07/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y kết luận: Giá trị thiệt hại xe mô tô biển kiểm soát 36K5-187.45, nhãn hiệu Honda, cũ đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 10/6/2019 là 1.600.000 đồng; giá trị thiệt hại xe mô tô biển kiểm soát 36AB-070.53 nhãn hiệu HD CUP, cũ đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 10/6/2019 là 363.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 06/CT-VKS-YT ngày 20/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh H đã kết luận *"Hành vi điều khiển xe mô tô vượt xe không đảm bảo an toàn của Bùi Văn D đã vi phạm điều 14 Luật giao thông đường bộ"*. Quyết định truy tố Bùi Văn D về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a, điểm c khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Quá trình tố tụng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã làm rõ: Vào khoảng đầu tháng 6 năm 2019 do cần phương tiện để đi lại làm ăn ở tỉnh Bắc Ninh, Bùi Văn D đã hỏi mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36K5-187.45 của bố đẻ là Bùi Văn T, mặc dù biết rõ Bùi Văn D không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định nhưng nhưng vì thấy D không có phương tiện để đi nên Bùi Văn T đã đồng ý giao xe mô tô trên cùng giấy tờ liên quan đến xe mô tô cho D. Sau khi được Bùi Văn T giao xe thì đến ngày 10/6/2019 sau khi làm việc xong thì D một mình điều khiển xe mô tô từ Bắc Ninh về nhà. Khi đi đến Km 492+30 đường Hồ Chí Minh thuộc địa phận xóm P, xã L, huyện Y, tỉnh H thì gây tai nạn và hậu quả như trên,Vì vậy Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố Bùi Văn T về tội *"Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ"* quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật hình sự.

Thực hành công tố tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, sau khi xem xét, đánh giá toàn diện nội dung vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Trình bày quan điểm và luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a, điểm c khoản 2 điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn D từ 42 (Bốn mươi hai)tháng tù đến 48 (Bốn mươi tám) tháng tù.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 264; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 18 (Mười tám) đến 24 (Hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ, buộc phải tham gia lao động công ích tại nơi địa phương quản lý.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Bùi Văn D, Bùi Văn T.

- Về vật chứng vụ án:

+ Trả xe mô tô biển kiểm soát 36AB-070.53 và xe mô tô biển kiểm soát 36K5-187.45 cùng các giấy tờ liên quan đến hai phương tiện cho các chủ sở hữu hợp pháp.

+ Các đồ vật: Rè chắn bùn phía trước xe mô tô bằng nhựa màu đen; Cánh yếm mặt ngoài bên trái xe mô tô bằng nhựa, màu đen; Mặt nạ xe mô tô phía trước bằng nhựa màu đen có logo VISION; Lót đế chân bằng cao su, màu đen ký hiệu VISION; 01 chiếc giày thể thao màu đỏ thẫm; 01 chiếc dép bằng cao su giả màu đen; 01 chiếc áo sơ mi trắng kẻ đỏ; 01 dây thắt lưng màu nâu đen; 01 quần jean màu đen loại quần jean vải xước, các đồ vật trên đã hư hỏng, không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Bùi Văn D, Bùi Văn T đã bồi thường thiệt hại cho đại diện gia đình anh Phạm Phúc T1 số tiền 100.000.000 đồng. Đại diện gia đình anh T1 đồng ý và không có yêu cầu đề nghị gì thêm nên không đề cập xem xét.

- Bị hại Phạm Văn T2 thỏa thuận với bị cáo Bùi Văn D, Bùi Văn T và đề nghị Tòa án ghi nhận bồi thường thiệt hại tổng số tiền 150.000.000 đồng, các bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại Phạm Văn T2 số tiền 90.000.000 đồng, số tiền còn lại Phạm Văn T2 yêu cầu bị cáo Bùi Văn T phải có trách nhiệm bồi thường đầy đủ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn V đề nghị phần thiệt hại về chiếc xe mô tô của ông không nhiều nên ông sẽ tự sửa chữa và không yêu cầu Tòa án can thiệp.

Bị cáo Bùi Văn D; Bùi Văn T không tranh luận gì, nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố.

Bị cáo Bùi Văn D nói lời sau cùng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm trở thành người tốt có ích cho xã hội.

Bị cáo Bùi Văn T nói lời sau cùng đã nhận thức được sai lầm do hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc kiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai báo của các bị cáo Bùi Văn D; Bùi Văn T phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, người liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên có đầy đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 10/6/2019 bị cáo Bùi Văn D không có giấy phép lái xe theo quy định một mình điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 36 K5-187.45 đi từ tỉnh Bắc Ninh về nhà tại thôn Đ, xã K, huyện N, tỉnh T theo đường mòn Hồ Chí Minh. Đến địa phận xóm P, xã L, huyện Y, tỉnh H, Bùi Văn D đã có hành viđiều khiển xe mô tô vượt xe mô tô cùng chiều không đảm bảo an toàn, gây tai nạn, hậu quả làm anh Phạm Phúc T1 chết trên đường đi cấp cứu, anh Phạm Văn T2 bị thương tích gây nên hiện tại là 47%. Còn D do bị thương nhẹ nên đã lấy xe mô tô của mình bỏ chạy khỏi hiện trường. Đến ngày 11/6/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y tiến hành bắt giữ Bùi Văn D tại nhà ở thôn Đ, xã K, huyện N, tỉnh T.

"Hành vi điều khiển xe mô tô vượt xe không đảm bảo an toàn của Bùi Văn D đã vi phạm điều 14 Luật giao thông đường bộ"; Sau khi gây tai nạn bị cáo bỏ trốn như vậy đã có đủ căn cứ cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" quy định tại điểm a, điểm c khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Bùi Văn T tuy biết rõ Bùi Văn D không có giấy phép lái xe theo quy định, nhưng vẫn giao xe mô tô (là nguồn nguy hiểm cao độ) cho con là Bùi Văn D sử dụng, D đã gây tai nạn và phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình; còn hành vi của Bùi Văn T đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội "*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ"* quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật hình sự.

Hành vi nêu trên của Bùi Văn D là nghiêm trọng, xâm phạm trật tự trị an xã hội, gây thiệt hại về tính mạng 01 người và gây thiệt hại về sức khỏe 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 47%. Mức độ thiệt hại về tài sản không lớn.

Hành vi phạm tội của Bùi Văn T khi giao xe cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ không nhận thức được đó là vi phạm pháp luật và có thể gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội, mặc dù có thể thấy trước và buộc phải thấy trước hậu quả đó nhưng do thương con không có phương tiện đi lại khi đi làm xa nên vô tình gián tiếp đã gây ra tai nạn hậu quả nghiêm trọng như trên.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Bùi Văn D, Bùi Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Bùi Văn D đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại và tích cực khắc phục hậu quả; là người dân tộc, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi lượng hình quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Bùi Văn T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là người dân tộc nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi lượng hình quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Cần cách ly bị cáo Bùi Văn D ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có đủ điều kiện cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với bị cáo Bùi Văn T xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng nên chỉ cần áp dụng biện pháp cải tạo không giam giữ và giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý giáo dục là đủ. Do bị cáo làm nông nghiệp, thu nhập thấp nên không áp dụng khấu trừ một phần thu nhập để xung công quỹ nhà nước theo quy định tại khoản 3 điều 36 Bộ luật hình sự.

[5] Hình phạt bổ sung: Bị cáo Bùi Văn D là lao động tự do; bị cáo Bùi Văn T làm ruộng không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng của vụ án như sau:

+ Trả xe mô tô biển kiểm soát 36AB-070.53 và xe mô tô biển kiểm soát 36K5-187.45 cùng các giấy tờ liên quan đến hai phương tiện cho các chủ sở hữu hợp pháp.

+ Tịch thu, tiêu hủy các đồ vật: Rè chắn bùn phía trước xe mô tô bằng nhựa màu đen; Cánh yếm mặt ngoài bên trái xe mô tô bằng nhựa, màu đen; Mặt nạ xe mô tô phía trước bằng nhựa màu đen có logo VISION; Lót đế chân bang cao su, màu đen ký hiệu VISION; 01 chiếc giày thể thao màu đỏ thẫm; 01 chiếc dép bằng cao su giả màu đen; 01 chiếc áo sơ mi trắng kẻ đỏ; 01 dây thắt lưng màu nâu đen; 01 quần jean màu đen, loại quần jean vải xước, các đồ vật trên đã hư hỏng, không có giá trị sử dụng.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

- Giữa gia đình bị cáo Bùi Văn D, Bùi Văn T và chị Phạm Thị M1 người được cử làm đại diện tham gia tố tụng cho nạn nhân Phạm Phúc T1 đã tự nguyện thỏa thuận và tiến hành giao, nhận đầy đủ tiền bồi thường và cam kết không kiếu kiện gì nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các bên, không đề cập xem xét.

- Giữa gia đình bị cáo Bùi Văn D, Bùi Văn T và gia đình anh Phạm Văn T2 đã thỏa thuận mức bồi thường trách nhiệm dân sự số tiền là 150.000.000 đồng, các bị báo đã bồi thường được 90.000.000 đồng nay bị cáo Bùi Văn T tiếp tục bồi thường 60.000.000 đồng cho bị hại Phạm Văn T2.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn D phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"; bị cáo Bùi Văn T phạm tội "Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ"

- Áp dụng điểm a, điểm c khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn D 42 (Bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 11/6/2019.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 264; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn T 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Bùi Văn T cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện N, tỉnh T giám sát giáo dục. Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo Bùi Văn T phải thực hiện một số công việc lao động công ích phục vụ cộng đồng do UBND xã K quản lý.

2. Vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+Trả lại 01 xe mô tô biển kiểm soát 36AB-070.53; 01giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Phạm Văn V; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự mang tên Phạm Văn V cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Phạm Văn V.

+ Trả lại 01 xe mô tô biển kiểm soát 36K5-187.45; 01giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Bùi Văn T; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự mang tên Bùi Văn T cho chủ sở hữu hợp pháp là bị cáo Bùi Văn T.

+ Tịch thu, tiêu hủy các đồ vật: Rè chắn bùn phía trước xe mô tô bằng nhựa màu đen; Cánh yếm mặt ngoài bên trái xe mô tô bằng nhựa, màu đen; Mặt nạ xe mô tô phía trước bằng nhựa màu đen có logo VISION; Lót đế chân bang cao su, màu đen ký hiệu VISION; 01 chiếc giày thể thao màu đỏ thẫm; 01 chiếc dép bằng cao su giả màu đen; 01 chiếc áo sơ mi trắng kẻ đỏ; 01 dây thắt lưng màu nâu đen; 01 quần jean màu đen loại quần jean vải xước, các đồ vật trên đã hư hỏng, không có giá trị sử dụng.

(*Các đồ vật, phương tiện nói trên có đặc điểm mô tả cụ thể tại biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y*).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 586, 589, 590, 601 Bộ luật dân sự.

- Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên như sau: Bị cáo Bùi Văn T tiếp tục bồi thường số tiền 60.000.000(Sáu mươi triệu đồng) cho anh Phạm Văn T2.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí: Bị cáo Bùi Văn D; Bùi Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

Nơi nhận:
- TAND tỉnhH;
- VKSND tỉnh H;
- Sở tư pháp tỉnh H;
- VKSND huyện Y;
- Công an huyện Y;
- THA hình sự, Dân sự huyện Y;
- UBND xã K, huyện N, tỉnh T;
- Các bị cáo; người có QLNVLQ;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Hải Dương